



B N TIN

CÔNG TY KI M TOÁN VÀ K TOÁN AAC
THÀNH VIÊN QU C T C A POLARIS INTERNATIONAL

Thu | u t | Ngân hàng | Tài chính doanh nghi p | K toán | Khác

S 105

Tháng 09/2009

AAC cung c p nh ng thông tin m i nh t v thu , u t , ngân hàng v.v t i Vi t Nam cho các khách hàng th ng xuyên c a AAC và b n c khác có nhu c u. Tài li u này phát hành hàng tháng b ng Ti ng Vi t và Ti ng Anh, và g i n b n c thông qua B u i n, Fax ho c b ng E-mail.



T vi t t t

BTC

B Tài chính

BCT

B Công th ng

BL TBXH

B Lao ng, Th ng binh & Xã h i

BXD

B Xây d ng

NHNN

Ngân hàng Nhà n c

TCT

T ng C c thu

TCHQ

T ng C c H i quan

Thu GTGT

Thu Giá tr gia t ng

Thu TNDN

Thu thu nh p doanh nghi p

N

Ngh nh

TT

Thông t

Q

Quy t nh

CV

Công v n

N i dung

Phát hành ngày 20/10/2009

Trang

[Tóm t t n i dung các v n b n quan tr ng](#)

1. Thu Giá tr gia t ng	2-3
- Các quy nh chung	2
- Thu su t	2
- Hoá n ch ng t	2-3
2. Thu Thu nh p doanh nghi p	3
3. Thu Thu nh p cá nhân	3-4
4. Thu khác, phí, l phí	4-5
5. Xu t nh p kh u	5
6. K toán tài chính	5
7. Lao ng – Ti n l ng	5
8. Ngân hàng	6
9. Xây d ng	6
10. Các quy nh khác	6-8

[T giá liên ngân hàng gi a VND và USD trong tháng 09/2009](#) 9

[Danh m c các v n b n m i trong tháng 08 và tháng 09/2009](#) 9-14

Tóm tắt nội dung các văn bản quản trị

THU - GTGT

Quy định chung

Hoàn thu và miễn thuế ODA: Trường hợp chênh lệch trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn toàn có mua hàng hóa dịch vụ phục vụ chênh lệch trình dự án và miễn thuế chênh lệch giá trị mua hàng hóa tính theo hóa đơn 20 triệu đồng (theo giá đã có thuế GTGT) thì chưa xét hoàn thuế GTGT vào năm có chênh lệch thanh toán qua ngân hàng theo quy định. (CV số 3970/TCT-KK ngày 28/09/2009).

Thu - GTGT, thu TNDN và khuyến khích đầu tư có ưu đãi trên 30%: Trường hợp Công ty sử dụng hàng hóa là ưu đãi có trên 30% trở lên khuyến khích đầu tư cho khách hàng thì đây là hành vi bất công trong hoạt động khuyến khích đầu tư. Do đó Công ty phải kê khai nộp thuế GTGT và thu TNDN của hàng hóa cho khách hàng là ưu đãi có trên 30% trở lên. (CV số 3782/TCT-CS ngày 17/09/2009).

Thu suất

Thu suất thuế GTGT: Sản phẩm thùng xe tải bán kim loại thuộc diện giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT từ ngày 01/02/2009 đến hết ngày 31/12/2009. Bộ tài chính và Bộ Công Thương (chỉ tính theo Danh mục hàng hóa của Bộ tài chính và Bộ Công Thương kèm theo Thông tư số 85/2009/TT-BTC) thuộc diện giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT từ ngày 01/05/2009 đến hết ngày 31/12/2009. (3846/TCT-CS ngày 21/09/2009).

Thu - GTGT và miễn thuế gia công: Hoạt động gia công áp dụng thuế suất của mặt hàng gia công. Doanh nghiệp có hoạt động gia công sản phẩm từ nguyên liệu, chế biến, nuôi trồng, chế biến cho các sản phẩm khác thì áp dụng thuế suất 5%. Trường hợp sản phẩm từ nguyên liệu, chế biến sản phẩm thành phẩm chịu thuế suất 10% thì hoạt động gia công áp dụng thuế suất 10%. (CV số 3806/TCT-CS ngày 18/09/2009).

Hàng đầu tư, giảm thuế và xây dựng nhà xã hội

Ngày 14/9/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 181/2009/TT-BTC, hàng đầu tư chính sách ưu đãi thuế suất 96/2009/Q -TTg ngày 22/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính, bổ sung miễn thuế các Quy định số 65/2009/Q -TTg, Quy định số 66/2009/Q -TTg và Quy định số 67/2009/Q -TTg.

Theo đó, doanh nghiệp giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 22/7/2009 đến hết ngày 31/12/2009 và miễn thuế các trường hợp có nhà cho thuê và sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, trung cấp nghề, công nhân làm việc tại các khu công nghiệp và nhà bán, cho thuê, cho thuê mua và miễn thuế nhập khẩu hàng nhập khẩu.

Các khoản thu nhập doanh nghiệp miễn giảm năm 2009 gồm thu nhập từ hoạt động kinh doanh nhà cho thuê và sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và công nhân làm việc tại các khu công nghiệp; thu nhập từ các hoạt động kinh doanh nhà bán, cho thuê, cho thuê mua và miễn thuế nhập khẩu hàng nhập khẩu.

Số thu nhập doanh nghiệp miễn giảm xác định theo kết quả hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp và doanh nghiệp hạch toán riêng. Trường hợp doanh nghiệp không hạch toán riêng thì số thu nhập doanh nghiệp miễn giảm xác định theo tỷ lệ giá doanh thu của các hoạt động kinh doanh miễn giảm và tỷ lệ doanh thu từ các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2009.

Nhà đầu tư giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng và các ưu đãi, kinh doanh nhà cá nhân, cá nhân thu nhập doanh nghiệp phải áp dụng các tiêu chí về nhà; giá bán nhà, giá cho thuê, giá cho thuê mua; và miễn thuế, ưu đãi miễn thuế, miễn thuế mua, mua nhà theo quy định Chính phủ.

Thông tin này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/10/2009.

Thu suất và miễn thuế cung cấp cho doanh nghiệp chi xuất: Dịch vụ do các kinh doanh nghiệp cung cấp cho doanh nghiệp chi xuất và dịch vụ khác của các đơn vị ngoài doanh nghiệp chi xuất không áp dụng thuế suất 0% bao gồm các dịch vụ: cho thuê nhà, thiết bị, vận phòng, khách sạn, kho bãi xây dựng nhà cho người lao động và dịch vụ vận chuyển hàng hóa. (CV số 3686/TCT-CS ngày 10/09/2009).

Hóa đơn chứng từ

Nhập khẩu tài sản công: Trường hợp các kinh doanh trùng thu cung cấp hàng thì thuế cho các kinh doanh khác là thuế thu nhập trong các trường hợp sản xuất nhập khẩu từ tài sản công thì khi các kinh doanh trùng thu bán cho các kinh doanh là vận chuyển hàng hóa và tính thuế GTGT theo quy định. (CV số 3979/TCT-CS ngày 29/09/2009).

Lưu hóa đơn và miễn thuế nhập khẩu hàng hóa: Trường hợp Hãng giao nhận kho vận, chuyên phát hành ngoài hoạt động tại Việt Nam thông qua đại lý, khi đại lý nhập hàng hóa cho Hãng nhận ngoài thì miễn thuế nhập khẩu hàng hóa cho khách hàng như sau: miễn thuế nhập khẩu hàng hóa (không bao gồm thuế GTGT), đồng thu suất thuế GTGT không ghi và ghi chéo, đồng thu suất thuế GTGT ghi ứng suất thuế GTGT. Miễn thuế nhập khẩu hàng hóa theo hướng dẫn tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC. Miễn thuế nhập khẩu hàng là

Thu TNCN i v i các cá nhân ký h p ng lao ng ng n h n, th i v n 3 tháng: T ch c, cá nhân chi tr thu nh p th c hi n vi c t m kh u tr thu TNCN theo t l 10% tr c khi chi tr các kho n t i n l ng, t i n công, t i n thù lao, t i n chi khác i v i cá nhân ký h p ng lao ng ng n h n, th i v n 3 tháng; ng th i h ng d n i t ng ph i kh u tr thu theo t l nêu trên n u có duy nh t thu nh p t i n i làm vi c ó, nh ng c tính t ng m c thu nh p chu thu c a cá nhân sau khi tr gia c nh ch a n m c ph i n p thu làm cam k t g i c quan chi tr thu nh p t m th i ch a kh u tr thu theo t l 10% nh h ng d n trên. Tr ng h p t ch c, cá nhân chi tr thu nh p liên t c ký h p ng thuê lao ng theo th i v , m i l n ký d i 3 tháng nh ng c n m cá nhân ó có t ng th i gian lao ng t i n v t 3 tháng n d i 12 tháng thì n v chi tr thu nh p th c hi n t m kh u tr thu c a cá nhân theo Bi u l y t i n t ng ph n tính trên thu nh p tháng nh h ng d n t i u 5 Thông t s 62/2009/TT-BTC c a B Tài chính. (CV s 3974/TCT-TNCN ngày 21/09/2009).

H ng d n gi m 50% thu thu nh p i v i cá nhân làm vi c t i khu kinh t

Ngày 09/9/2009, B Tài chính ã ban hành Thông t s 176/2009/TT-BTC, h ng d n v i c gi m thu thu nh p cá nhân i v i cá nhân làm vi c t i khu kinh t .

Theo ó, cá nhân ng i Vi t Nam và ng i n c ngoài c trú ho c không c trú t i Vi t Nam, tr c ti p làm vi c t i các khu kinh t , c gi m 50% thu thu nh p cá nhân i v i thu nh p phát sinh t i khu kinh t c a kh u.

C th , i v i cá nhân có thu nh p t i n l ng, t i n công, hàng tháng c n c vào t ng thu nh p chu thu t t i n l ng, t i n công tr cho ng i lao ng làm vi c trong khu kinh t , t ch c, cá nhân tr thu nh p tính s thu thu nh p cá nhân ph i kh u tr theo quy nh. C n c s thu ph i kh u tr , t ch c, cá nhân tr thu nh p th c hi n n p 50% s thu kh u tr vào ngân sách nhà n c. S thu c gi m, t ch c, cá nhân tr thu nh p hoàn l i cho ng i lao ng.

Cá nhân có thu nh p t i n l ng, t i n công thu c i t ng ph i tr c ti p khai thu tháng v i c quan thu thì c n c vào s thu khai t m n p hàng tháng, cá nhân th c hi n n p 50% s thu ph i n p vào ngân sách nhà n c theo quy nh.

i v i cá nhân, nhóm cá nhân có thu nh p t i kinh doanh: Hàng quý, cá nhân, nhóm cá nhân kinh doanh n p thu theo kê khai thu c i t ng c gi m 50% thu thu nh p cá nhân t tính s thu t m gi m, s thu còn ph i n p và n p vào ngân sách nhà n c.

Cán b , công ch c và ng i lao ng làm vi c theo h p ng v i Ban qu n lý khu kinh t , các c quan qu n lý nhà n c; các t ch c, cá nhân có ho t ng u t và s n xu t kinh doanh trong khu kinh t , nh ng không tr c ti p làm vi c t i khu kinh t không thu c i t ng c gi m thu thu nh p theo h ng d n t i thông t này.

Thông t này có hi u l c thi hành t ngày 24/10/2009 và c áp d ng i v i cá nhân có thu nh p phát sinh t i khu kinh t k t ngày 1/1/2009.

Thu thu nh p cá nhân i v i vi c bán tài s n: Tr ng h p cá nhân kinh doanh bán tài s n nh tàu, thuy n, xe ô tô, mô tô, xà lan... có yêu c u c quan thu c p hóa n l thì ph i t m n p thu TNCN v i thu su t 10% tính trên thu nh p t i c bán tài s n ng th i v i vi c n p thu GTGT khi c c p hóa n l . Cu i n m cá nhân n u có yêu c u c hoàn thu thì thu nh p t ho t ng bán tài s n s c c ng vào t ng thu nh p chu thu t ho t ng kinh doanh, t t i n l ng, t i n công xác nh s thu ph i n p, s thu ã n p, s thu xin hoàn ho c bù tr vào vào s thu n p th a k sau theo quy nh. (CV s 3652/TCT-TNCN ngày 08/09/2009).

Thu TNCN i v i chuy n nh ng B S, nh n th a k , quà t ng là B S: Cá nhân chuy n nh ng b t ng s n ã n p h s h p l cho c quan qu n lý Nhà n c có th m quy n tr c ngày 01/01/2009, c quan thu ã phát hành thông báo n p thu chuy n quy n s d ng t thì cá nhân chuy n nh ng n p thu chuy n quy n s d ng t theo s thu ã thông báo. Tr ng h p cá nhân ã có h p ng chuy n nh ng b t ng s n theo quy nh c a pháp lu t và ã n p h s h p l cho c quan qu n lý Nhà n c có th m quy n tr c ngày 01/01/2009 nh ng c quan thu ch a phát hành thông báo n p thu (tính n h t ngày 31/12/2008) thì th c hi n theo i m 1.1, i u 4 Thông t s 161/2009/TT-BTC. Cá nhân c trú có thu nh p t nh n th a k , quà t ng là b t ng s n n p h s h p l cho c quan qu n lý Nhà n c có th m quy n tr c ngày 01/01/2009 áp d ng chính sách thu theo quy nh c a v n b n pháp lu t thu t i th i i m n p h s (không thu c i t ng chu thu thu nh p cá nhân). Cá nhân c trú có thu nh p t nh n th a k , quà t ng là b t ng s n n p h s h p l cho c quan qu n lý Nhà n c có th m quy n trong kho ng th i gian t ngày 01/01/2009 n h t ngày 30/6/2009 thu c i t ng c m i n n p thu TNCN. (CV s 3598/TCT-TNCN ngày 04/09/2009).

Thu thu nh p cá nhân i v i chuyên gia n c ngoài: Chuyên gia n c ngoài c m i n thu TNCN i v i thu nh p t i vi c th c hi n ch ng trình, d án vi n tr PCP t i Vi t Nam là ng i có qu c t nh n c ngoài, c tuy n ch n vào Vi t Nam trên c s th ng nh t gi a t ch c phi chính ph n c ngoài và c quan ch qu n d án c a Vi t Nam, tr c ti p th c hi n các ho t ng c a ch ng trình, d án vi n tr PCP theo quy nh t i v n ki n ch ng trình, d án c c quan ch qu n d án c a Vi t Nam phê duy t theo úng quy nh hi n hành v qu n lý và s d ng vi n tr PCP và các i u kho n giao vi c (TOR) cho chuyên gia n c ngoài. (CV s 3580/TCT-TNCN ngày 03/09/2009).

THU KHÁC, PHÍ, L PHÍ

Hi p nh tránh ánh thu hai l n gi a Vi t Nam và các vùng lãnh th khác: Theo Hi p nh tránh ánh thu hai l n gi a Vi t Nam và Singapore, lãi t i n cho vay phát sinh t i m t n c kỹ k t và c tr cho i t ng c trú c a N c kỹ k t kia có th b ánh thu t i n c kia. Tuy nhiên, kho n t i n lãi vay c ng có th b ánh thu nhà n c

ký kết n i phát sinh lãi và theo luật pháp c a n c ó, nh ng n u ng i nh n là ng i c h ng các kho n ti n lãi này thì m c thu khi ó c tính s không quá 10% t ng s kho n ti n lãi cho vay. (CV s 3606/TCT-HTQT ngày 04/09/2009).

XUẤT NHẬP KHẨU

Thu suất thu nhập khẩu ưu đãi i v i m t s m t hàng thu c nhóm 2710 t i bị u thu nhập khẩu ưu đãi:

Ngày 14/9/2009, B Tài chính ã ban hành Thông t s 180/2009/TT-BTC, h ng d n th c hi n m c thu suất thu nhập khẩu ưu đãi i v i m t s m t hàng thu c nhóm 2710 t i bị u thu nhập khẩu ưu đãi. Theo ó, i u ch nh thu nhập khẩu c a m t hàng nhiên li u t khác (mã 2710.19.79.00) t 25% xu ng 20%. Ngoài ra, B Tài chính b sung thu nhập khẩu cho m t hàng ch t ch ng d i n s n xu t phân bón DAP (2710.19.90.10) là 1% và lo i khác (2710.19.90.90) v i thu suất 5%. Thông t này có hi u l c thi hành và áp d ng i v i các T khai h i quan hàng hoá nh p kh u ng ký v i c quan H i quan k t ngày 21/9/2009. Bã b Thông t s 148/2009/TT-BTC ngày 21/7/2009.

V/v l y m u nguyên li u gia công: i v i hàng hóa nh p kh u thu c di n ph i ki m tra th c t n u do Chi c c H i quan c a kh u ki m tra th c t thì Chi c c H i quan c a kh u th c hi n l y m u, n u do Chi c c H i quan ngoài c a kh u ki m tra th c t thì Chi c c H i quan ngoài c a kh u th c hi n l y m u. Riêng i v i hàng hóa nh p kh u thu c di n m i n ki m tra th c t thì v i c l y m u do Chi c c H i quan c a kh u th c hi n, v i hàng hóa c thông quan ngay t i c a kh u nh p. (CV s 5407/TCHQ-GSQL ngày 10/09/2009).

V/v quy n Xu t kh u, nh p kh u: Th ng nh n c ngoài không có hi n di n t i Vi t Nam m u n th c hi n quy n xu t kh u, quy n nh p kh u ph i c c p Gi y ch ng nh n ng ký quy n xu t kh u, quy n nh p kh u i v i các lo i hàng hóa c phép xu t kh u, nh p kh u theo quy nh c a pháp lu t Vi t Nam và theo l trình cam k t v m c a th tr ng c a Vi t Nam. (5338/TCHQ-GSQL ngày 09/09/2009).

Hàng hóa a t kho ngo i quan vào các khu công nghi p: Ch kho ngo i quan c thay m t ch hàng n c ngoài làm th t c a hàng hóa t n c ngoài vào kho ngo i quan ch bán cho các doanh nghi p s n xu t công nghi p, doanh nghi p ch xu t trong ho c ngoài các khu công nghi p nh m ph c v cho ho t ng s n xu t c a các doanh nghi p này. (CV s 5197/TCHQ-GSQL ngày 31/08/2009).

Hàng hóa nh p kh u g i kho ngo i quan Ch có hàng hóa nh p kh u ph c v cho ho t ng s n xu t, kinh doanh c a các doanh nghi p khu công nghi p, doanh nghi p ch xu t m i c g i vào kho ngo i quan trong khu công nghi p, khu ch xu t. Tr ng h p hàng hóa nh p kh u kinh doanh c a doanh nghi p ngoài khu công nghi p, khu ch xu t, Hàng hóa nh p kh u ch xu t i n c th 3; Hàng hóa c a t ch c, cá nhân n c ngoài không c g i vào kho ngo i quan trong khu công nghi p, khu ch xu t, mà c g i vào kho ngo i quan t i c a kh u. (CV s 5199/TCHQ-GSQL ngày 31/08/2009).

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

H ng d n x lý chnh l ch t giá:

Ngày 10/9/2009, B Tài chính ã ban hành Thông t s 177/2009/TT-BTC, h ng d n xác nh thu nhập ch u thu i v i chnh l ch t giá c a các kho n n ph i tr b ng ngo i t .

Theo ó, i t ng áp d ng là các t ch c ho t ng s n xu t, kinh doanh hàng hoá, d ch v có thu nhập ch u thu theo quy nh c a Lu t thu thu nhập doanh nghi p. Ph m vi áp d ng là chnh l ch t giá c a các kho n n ph i tr có g c ngo i t c a doanh nghi p.

Các doanh nghi p có các kho n n ph i tr b ng ngo i t thì các kho n l , lãi chnh l ch t giá phát sinh trong k và l , lãi chnh l ch t giá do ánh giá l i các kho n n ph i tr b ng ngo i t cu i n m tài chính c tính vào chi phí ho c thu nhập khi xác nh thu nhập ch u thu thu nhập doanh nghi p trong k .

Tr ng h p chnh l ch t giá do ánh giá l i các kho n n ph i tr b ng ngo i t tính vào chi phí làm cho k t qu kinh doanh c a doanh nghi p b l thì có th phân b m t ph n chnh l ch t giá cho n m sau doanh nghi p không b l nh ng ph i m b o ph n chnh l ch t giá tính vào chi phí trong n m ít nh t c ng ph i b ng chnh l ch t giá c a s ngo i t n h n ph i tr trong n m ó.

Thông t này có hi u l c thi hành k t ngày 25/10/2009.

LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Chính sách i v i lao ng đòi d t i các Công ty C ph n: Th t ng Chính ph ã cho phép b sung i t ng ch tr t Qu h tr s p x p doanh nghi p gi i quy t lao ng đòi d (có tên trong danh sách lao ng th ng xuyên t i th i m quy t nh c ph n hoá) t n m th 2 n n m th 5 t i các công ty c ph n c chuy n i theo Ngh nh s 64/2002/N -CP ngày 19/6/2002 c a Chính ph . Theo ó: Qu h tr s p x p doanh nghi p Trung ng gi i quy t ch lao ng đòi d cho các doanh nghi p c l p tr c thu c B , ngành, a ph ng; Qu h tr s p x p doanh nghi p t i các T p oàn, T ng công ty nhà n c, Công ty m gi i quy t ch lao ng đòi d cho các doanh nghi p thu c các T p oàn, T ng công ty, Công ty m . (CV 12232/BTC-TCĐN ngày 31/08/2009).

Ngài Nguyễn Thu Việt Nam cho các ông có nghĩa vụ tài sản vì c quan, trách nhiệm cá nhân Việt Nam có văn bản yêu cầu chấp hành cho ngài có thời gian chấp hành Việt Nam thì c quan tiếp nhận hồ sơ không gì quy định vì c cho thời gian chấp hành Việt Nam.

Ngài Việt Nam nh c n c ngoài chấp hành chấp hành Việt Nam theo pháp luật Việt Nam từ ngày 1/7/2009 mà không có hồ sơ Việt Nam còn giá trị số nợ, nếu có nguy hiểm gì chấp hành Việt Nam thì phải ký giấy chấp hành Việt Nam. Vì c ký giấy chấp hành Việt Nam c th c h i n n h t ngày 1/7/2014.

Nghị này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/11/2009 và thay thế Nghị quyết 104/1998/N-CP ngày 31/12/1998, Nghị quyết 55/2000/N-CP.

Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Kiểm tra Nhân dân

Ngày 11/09/2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 112/2009/Q- TTg, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Kiểm tra Nhân dân trực thuộc Bộ Tài chính.

Theo đó, (Ủy ban Kiểm tra Nhân dân) UBCKNN là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về công tác kiểm tra và thanh tra công tác kiểm tra; thực hiện quản lý, giám sát hoạt động công tác kiểm tra và thanh tra công tác kiểm tra; quản lý các hoạt động dịch vụ thuộc lĩnh vực công tác kiểm tra và thanh tra công tác kiểm tra.

UBCKNN thực hiện Chính phủ giao cho 17 nhiệm vụ, quyền hạn như: cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận liên quan đến hoạt động công tác kiểm tra và thanh tra công tác kiểm tra; chấp thuận những thay đổi liên quan đến hoạt động công tác kiểm tra và thanh tra công tác kiểm tra; quản lý, giám sát hoạt động của các Sở Giao dịch, Trung tâm Giao dịch, Trung tâm Lưu ký công tác kiểm tra và các tổ chức phi lợi nhuận; thẩm định hồ sơ của các cơ sở trên trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm quy định và lợi ích của nhà đầu tư...

Ngoài ra, UBCKNN còn có nhiệm vụ thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động công tác kiểm tra và thanh tra công tác kiểm tra; thực hiện thanh kê, đ b á o v h o t ng ch ng khoán và thanh tra công tác kiểm tra; thực hiện nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quản lý công tác kiểm tra và nhân viên hành chính công tác kiểm tra; phối hợp kiểm tra và lĩnh vực công tác kiểm tra cho công chúng.

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2009 và bãi bỏ Quyết định số 63/2007/Q- TTg ngày 10/5/2007.

Một số quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

Ngày 03/09/2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 72/2009/N-CP quy định điều kiện an ninh, trật tự và môi trường ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Theo đó, các ngành, nghề kinh doanh sau phải đáp ứng điều kiện an ninh trật tự (ANTT) theo Nghị quyết này, bao gồm: sản xuất con đường; sản xuất, kinh doanh, sản xuất vật liệu nổ công nghiệp và Nitrat Amon hàm lượng cao (t 98,5% trở lên); sản xuất, kinh doanh, sản xuất công cụ sắc, sản xuất súng săn, sản xuất pháo hoa; cho thuê lưu trú; cho thuê c, cá nhân nh c ngoài thuê nhà cho làm văn phòng; hoạt động in; dịch vụ c m ; kinh doanh karaoke; v t r ng; xoa bóp (massage, t m qu t); trò chơi in t có thể dành cho người nh c ngoài; kinh doanh casino; dịch vụ òi n . C s kinh doanh ngành, nghề có điều kiện v ANTT chỉ c t i n hành các hoạt động kinh doanh sau khi có Giấy chứng nhận điều kiện v ANTT do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp. Những ngành, nghề kinh doanh phi lợi nhuận có o c t t, lý l ch rõ ràng và không thu c m t trong các trường hợp sau: ngành ch a 18 tu i, ngành b h n ch h o c m t n g l c hành vi dân s ; ngành nghi n ma túy; ngành i ã b kh i t hình s mà các c quan t t ng ang t i n hành i u tra, truy t , xét x ; ngành ang b áp d ng bị n pháp giáo d c t i ph ng, xã, th t r n; ngành có t i n án v các t i xám ph m an ninh qu c gia; t i do l i c ý có m c án t 10 n m tr lên h o c các t i khác liên quan tr c t i p n ngành, nghề kinh doanh có điều kiện v ANTT mà ch a c xóa án tích...

Nghị này có hiệu lực kể từ ngày 20/10/2009 và thay thế Nghị quyết số 08/2001/N-CP ngày 22/02/2001.

Hàng đợi hoạt động công nghiệp phụ trợ

Ngày 01/9/2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 111/2009/Q- TTg, quy định điều kiện, thủ tục tham gia hoạt động công nghiệp phụ trợ.

Theo đó, tổ chức, cá nhân có thể tham gia hoạt động công nghiệp phụ trợ theo hai phương thức: thực hiện hợp đồng công nghiệp phụ trợ thông qua phương thức đấu thầu, tổ chức, cá nhân c ch nh t r i n khai h o t ng công nghiệp phụ trợ có yêu cầu c b i t v s n ph m, trình chuyên môn và c s v t ch t k thu t h o c th c h i n h p ng qu c phòng thông qua phương thức đấu thầu. Tổ chức và cá nhân c tham gia h o t ng công nghiệp phụ trợ công nghiệp phụ trợ khi áp ng y các i u ki n sau: nghiêm chỉnh chấp hành ng l i, ch t r ng c a ng và chính sách pháp luật của Nhà nước; không xâm phạm nhân quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước và của công dân Việt Nam; cam kết chấp hành các i u kho n b t b u c c quy nh c th t i h p ng v công nghiệp phụ trợ và những i u ki n khác theo lĩnh vực tham gia hoạt động công nghiệp phụ trợ.

Khi tham gia hoạt động công nghiệp phụ trợ, tổ chức, cá nhân sẽ chấp hành v u t , nghiên cứu khoa học, công nghệ và cung cấp các dịch vụ liên quan theo ứng dụng, chính sách hiện hành của Nhà nước về công nghiệp phụ trợ.

Quy trình này áp dụng vì lý do quan trọng (không bao gồm các công nghệ phòng ngừa và các công nghệ phòng ngừa), cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động công nghệ phòng ngừa. Hoạt động công nghệ phòng ngừa theo Quy trình này bao gồm: nghiên cứu, sản xuất, sản xuất, phân tích, phân tích hóa học, trang bị kỹ thuật quân sự; dịch vụ thông tin, xuất, chuyển giao công nghệ, xây dựng các hệ thống phần mềm và phòng - an ninh; mua sắm, dịch vụ, bảo quản và vận chuyển, kỹ thuật phần mềm và phòng - an ninh; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực phần mềm và quân sự, phòng.

Quy trình này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/10/2009.

Quy định về quy cáo thu c

Ngày 01/9/2009, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 13/2009/TT-BYT, hướng dẫn hoạt động thông tin, quy cáo thu c.

Theo đó, các hành vi cấm bao gồm quy cáo thu c kê đơn, vaccine, sinh phẩm; quy cáo mã phẩm, thành phẩm của ngành và các sản phẩm không phải là thuốc và nội dung không rõ ràng có thể khi cần thiết dùng hình ảnh sản phẩm đó là thuốc...

Bộ Y tế cũng yêu cầu các chức năng không được đưa vào nội dung quy cáo thu c gồm: nội dung tranh ảnh, ảnh hưởng; ảnh hưởng qua tình dục; ảnh hưởng kinh niên; ảnh hưởng mang tính kích thích; nội dung tranh ảnh, ảnh hưởng; ảnh hưởng nội dung tranh ảnh khác nhau của các bệnh lý liên quan chuyên hoá khác nhau.

Thu c được phép quy cáo có thể được quy cáo trên sách, báo chí, truyền hình, trên phương tiện phát thanh, truyền hình, trên báo in, website của doanh nghiệp hoặc của doanh nghiệp làm dịch vụ quy cáo... và nội dung quy cáo phải phù hợp với nội dung của pháp luật về quyền quảng cáo... và nội dung quy cáo phải phù hợp với nội dung của pháp luật về quyền quảng cáo... và nội dung quy cáo phải phù hợp với nội dung của pháp luật về quyền quảng cáo...

Vì quy cáo thu c trên báo in, website của doanh nghiệp hoặc của doanh nghiệp làm dịch vụ quy cáo phải có nội dung chuyên môn riêng "Trang dành riêng cho quy cáo thu c". Nội dung kinh doanh thu c chỉ được quy cáo thu c mà nội dung kinh doanh trên website của mình. Nội dung làm dịch vụ quy cáo thu c phải có giấy phép cung cấp dịch vụ thông tin Internet và giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ quy cáo theo quy định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/10/2009, bãi bỏ Quy định số 2557/2002/Q-BYT ngày 04/7/2002 và Thông tư số 12/2002/TT-BYT ngày 23/8/2002.

Hướng dẫn chi phí BHYT

Ngày 14/8/2009, Liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-BTC về nội dung trên.

Theo đó, người tham gia bảo hiểm y tế (BHYT) khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài thì người bệnh thanh toán chi phí khám chữa bệnh sau đó mang chứng từ của bệnh viện thanh toán theo chi phí thực tế của người bệnh không vượt quá 4,5 triệu đồng.

Trình khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh BHYT; khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế có ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh BHYT nhưng không thực hiện khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Điều 28 Luật BHYT thì người bệnh thanh toán chi phí khám chữa bệnh vì cơ sở y tế, sau đó mang chứng từ của bệnh viện thanh toán. Các dịch vụ kỹ thuật mà người bệnh cung cấp, tùy thuộc môn kỹ thuật của cơ sở y tế và chứng từ hợp lệ, BHYT thanh toán cho người bệnh theo chi phí thực tế của người bệnh không vượt quá mức quy định như sau: bệnh viện hạng III từ 55.000 đồng/ lượt ngoại trú; bệnh viện hạng II mức 120.000 đồng/ lượt ngoại trú; bệnh viện hạng I, hạng đặc biệt mức 340.000 đồng/ lượt ngoại trú; bệnh viện hạng III từ 450.000 đồng/ lượt nội trú; bệnh viện hạng II mức 1.200.000 đồng/ lượt nội trú; bệnh viện hạng I, hạng đặc biệt mức 3.600.000 đồng/ lượt nội trú.

Hết ngày thanh toán chi phí khám chữa bệnh vì các trường hợp nói trên gồm có: giấy yêu cầu thanh toán (theo mẫu); thẻ BHYT (bản sao); giấy ra viện hoặc giấy chuyển viện (bản chính hoặc bản sao); các chứng từ hợp lệ (nhận thu, sổ y bạ, hoá đơn mua thuốc, hoá đơn viện phí và các chứng từ có liên quan khác). Trình khám, chữa bệnh nước ngoài, ngoài các giấy tờ nói trên phải có ý kiến của cơ sở y tế tùy thuộc tình hình cụ thể của người bệnh, trung tâm xác nhận tình trạng bệnh và hướng dẫn (trình hợp tác hoặc chuyển tiếp nước ngoài, phải có quy định của pháp luật về quy định công tác hợp tác chuyển tiếp nước ngoài). Nếu cần, chứng từ về tình trạng bệnh nước ngoài, phải dịch sang tiếng Việt có công chứng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2009.

T giá liên ngân hàng giữa VND và USD trong tháng 09/2009

Ngày	T giá	Ngày	T giá
01/09	16.976	17/09	16.985
03/09	16.977	18/09	16.986
04/09	16.975	19/09	16.988
05/09	16.976	22/09	16.990
08/09	16.978	23/09	16.989
09/09	16.981	24/09	16.991
10/09	16.983	25/09	16.992
11/09	16.982	28/09	16.994
12/09	16.984	29/09	16.993
15/09	16.986	30/09	16.991
16/09	16.987		

Danh mục các văn bản mới trong tháng 08 và 09/2009

Chính phủ

1. ☞ Q 108/2009/Q -TTg (26/08/2009) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính.
2. TB số 272/TB-VPCP (31/08/2009) về ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng tại buổi làm việc với Bộ Tài chính về công tác cải cách hành chính, hiện đại hóa các ngành: thu và hải quan.
3. ☞ Q 111/2009/Q -TTg (01/09/2009) Quy định ưu tiên, thủ tục tham gia hoạt động công nghiệp phụ trợ.
4. CT 1408/CT-TTg (01/09/2009) Chỉ thị về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.
5. ☞ N 72/2009/N -CP (03/09/2009) Quy định ưu tiên và an ninh, trật tự và môi trường ngành, ngh kinh doanh có ưu tiên.
6. CV số 6071/VPCP-KGVX (03/09/2009) về việc hướng dẫn ghi nhận hóa chất.
7. CV số 6160/VPCP-QHQT (04/09/2009) về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về công tác xúc tiến xuất.
8. NQ 44/NQ-CP (05/09/2009) Phiên họp Chính phủ thường kỳ.
9. Q 1419/Q -TTg (07/09/2009) phê duyệt "Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp pin n m 2020".
10. N 73/2009/N -CP (07/09/2009) Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Pháp lệnh Công an xã.
11. CT 1441/CT-TTg (14/09/2009) về tăng cường vai trò của Thông tin xã hội Việt Nam trong tình hình mới.
12. N 74/2009/N -CP (09/09/2009) quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Luật Thi hành án dân sự về cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự và công chức làm công tác thi hành án dân sự.
13. TT 06/2009/TTLT-BKHDT-BNV-BTC (09/09/2009) liên tịch hướng dẫn thực hiện Q số 45/2009/Q - TTg ngày 27 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về chấp hành pháp luật theo nghị quyết của Ủy ban, công chức làm công tác thanh kế.
14. TT 175/2009/TT-BTC (09/09/2009) về việc sửa đổi, bổ sung TT số 83/2007/TT-BTC ngày 16/7/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Q số 09/2007/Q -TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thu của hộ nhân dân.
15. Q 1428/Q -TTg (09/09/2009) về việc thành lập Trung tâm Dịch vụ Anh ngữ Việt Nam.
16. N 75/2009/N -CP (10/09/2009) sửa đổi nội dung Q số 01/2008/N -CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
17. Q 113/2009/Q -TTg (11/09/2009) sửa đổi, bổ sung một số nội dung của các Q : số 24/2008/Q -TTg; số 25/2008/Q -TTg; số 26/2008/Q -TTg và số 27/2008/Q -TTg ngày 05 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, Tây Nguyên, vùng biên giới Cù Long, trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2010.

18. Q 1436/Q -TTg (11/09/2009) phê duyệt dự án Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải nông thôn và thành thị năm 2020, tầm nhìn năm 2030.
19. Q 112/2009/Q -TTg (11/09/2009) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Kế toán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính.
20. N 78/2009/N -CP (22/09/2009) quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Luật Quốc tịch Việt Nam.
21. Q 1544/Q -TTg (25/09/2009) chuyển Tổng công ty Lắp đặt Công nghiệp Tổng hợp theo hình thức công ty mẹ - công ty con và thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Lắp đặt Công nghiệp Tổng hợp.
22. N 76/2009/N -CP (15/09/2009) về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị định 204/2004/N -CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, biên chế và lực lượng nhân sự.

B Tài chính

1. CV số 12533/BTC-TCHQ (07/08/2009) về việc tổ chức kiểm toán hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu sau khi áp dụng quy định mới.
2. TT số 71/2009/TT-BTC (24/08/2009) về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế thi và cấp chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ hành nghề kiểm toán ban hành kèm theo Quyết định 94/2007/Q -BTC ngày 16/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
3. TT số 172/2009/TT-BTC (26/08/2009) về việc sửa đổi một số nội dung của TT số 81/2006/TT-BTC ngày 06/9/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết kiểm soát nội bộ các doanh nghiệp công lập thực hiện quy định, trách nhiệm và thẩm quyền của kiểm toán viên, tổ chức kiểm toán, biên chế và tài chính.
4. CV số 12061/BTC-CST (27/08/2009) về việc thu thuế GTGT về nhập khẩu.
5. TT số 173/2009/TT-BTC (27/08/2009) về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số nội dung của các Quyết định 36/2008/Q -BTC ngày 12/6/2008; Quyết định 111/2008/Q -BTC ngày 01/12/2008, Quyết định 112/2008/Q -BTC ngày 01/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
6. CV số 12232/BTC-TCĐN (31/08/2009) về việc tổ chức kiểm toán nội bộ, thời gian của công ty cổ phần.
7. Quyết định 2153/Q -BTC (08/09/2009) về việc miễn thuế nhập khẩu, không thu thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt hàng quà biếu, tặng quà mang mục đích từ thiện.
8. TT số 176/2009/TT-BTC (09/09/2009) về việc giảm thuế thu nhập cá nhân về cá nhân làm việc tại khu kinh tế.
9. TT số 175/2009/TT-BTC (09/09/2009) về việc sửa đổi, bổ sung TT số 83/2007/TT-BTC ngày 16/07/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định 09/2007/Q -TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc xếp loại; xử lý nhà; thuế của hộ gia đình.
10. TT số 177/2009/TT-BTC (10/09/2009) về việc hướng dẫn xác định thuế thu nhập chịu thuế về chênh lệch giá của các kho nạo phôi và nghiền bột.
11. CV số 12785/BTC-CST (11/09/2009) về thuế GTGT về nhập khẩu.
12. TT số 182/2009/TT-BTC (14/09/2009) về việc hướng dẫn nội dung và mức chi cho công tác tuyên truyền; và ngân sách của các đơn vị.
13. CV số 12866/BTC-TCT (14/09/2009) về chính sách thuế và xử phạt vi phạm pháp luật thuế.
14. TT số 181/2009/TT-BTC (14/09/2009) về việc hướng dẫn thi hành Quyết định 96/2009/Q -TTg ngày 22/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nội dung của các Quyết định 65/2009/Q -TTg; Quyết định 66/2009/Q -TTg và Quyết định 67/2009/Q -TTg.
15. TT số 179/2009/TT-BTC (14/09/2009) về việc sửa đổi, bổ sung thuế thu nhập cá nhân về lãi về nhập khẩu hàng trong Biện pháp thu nhập cá nhân.
16. TT số 179/2009/TT-BTC (14/09/2009) về việc sửa đổi, bổ sung thuế thu nhập cá nhân về lãi về nhập khẩu hàng trong Biện pháp thu nhập cá nhân.
17. TT số 180/2009/TT-BTC (14/09/2009) (21/09/2009) Hướng dẫn thi hành một số nội dung của thuế thu nhập cá nhân về lãi về nhập khẩu hàng trong Biện pháp thu nhập cá nhân.
18. CV số 12911/BTC-KBNN (14/09/2009) về việc ghi thu; ghi chi NSNN và nội dung không hoàn lại.
19. TT số 183/2009/TT-BTC (15/09/2009) về việc hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ.
20. TT số 183/2009/TT-BTC (15/09/2009) Hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ.
21. TT số 184/2009/TT-BTC (15/09/2009) Quy định chi tiêu, nhập và quản lý số dư ngân sách cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, lệ phí cấp quyền thăm dò khoáng sản.
22. TT số 185/2009/TT-BTC (17/09/2009) Hướng dẫn về việc huy động và quản lý, thanh toán, quy toán vốn cho các Dự án ưu tiên (giai đoạn 2) thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới, vùng dân cư và nhà vùng nông thôn mới.
23. TT số 186/2009/TT-BTC-BTN&MT (28/09/2009) Hướng dẫn phương pháp xác định giá trị, phương thức, thủ tục thanh toán tài sản của ngân sách, thông tin và kết quả kiểm tra, thẩm định của Nhà nước.
24. TT số 187/2009/TT-BTC (29/09/2009) Quy định mức thu, chi thu, nhập và quản lý số dư ngân sách thu nhập từ kinh doanh khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

25. TT 188/2009/TT-BTC (29/09/2009) Ban hành Danh mục hàng hoá và thuế suất thuế nhập khẩu áp dụng hàng nhập khẩu.
26. TT 189/2009/TT-BTC (30/09/2009) Hướng dẫn việc thu thuế nhập khẩu ưu đãi về mặt hàng nguyên liệu kháng sinh trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
27. TT 190/2009/TT-BTC (30/09/2009) Về việc chi tiết thêm mã số HS mặt hàng Kính thu c nhóm 7005 trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
28. CV 13858/BTC-TCT (30/09/2009) Về việc: miễn thuế TNCN cho người nước ngoài thực hiện công trình, dự án ODA tại Việt Nam.

B Lao động Xã hội

1. CV số 3353/L TBXH-VL (09/09/2009) về việc lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
2. CV số 3328/L TBXH-L TL (07/09/2009) về việc nâng bậc lương về ngành nghề.
3. CV số 3260/L TBXH-BHXH (01/09/2009) về việc tính lương làm công việc böhim xã hội về ngành nghề.
4. CV số 3247/L TBXH-L TL (31/08/2009) về việc Quy chế trả lương của Bộ hóm tnh i Việt Nam.
5. CV số 3200/L TBXH-L TL (27/08/2009) về việc cách tính trợ cấp thôi việc.

B Công nghiệp

6. TT 28/2009/TT-BCT (28/09/2009) xác định hàng nhập khẩu về ngành nghề vào Nh t B n theo Hi p nh gi a n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam và Nh t B n v i tác Kinh t .
7. Q 4799/Q -BCT (28/09/2009) về việc chuyển Công ty D u th c v t H ng li u M ph m Vi t Nam thành T ng công ty Công nghi p D u th c v t Vi t Nam.
8. TT 27/2009/TT-BCT (25/09/2009) quy nh o m i n n ng trong th tr ng phát i n c nh tranh.
9. Q 4466/Q -BCT (09/09/2009) về việc thành lập Ban Công tác chung và thực hiện vai trò Chủ tịch ASEAN trong Công ng Kinh t ASEAN n m 2010.

B Xây dựng

1. Q 914/Q -BXD (15/09/2009) về việc Thành lập Hi ng th m nh h s ng ký t ch c b i d ng nghi p v giám sát thi công xây dựng công trình.
2. Q 957/Q -BXD ngày (29/09/2009) về việc công bố nh m c chi phí quản lý dự án và t v n u t xây dựng công trình.
3. Q 899/Q -BXD (10/09/2009) Về việc thành lập Hi ng th m nh h s ng ký t ch c ào t o b i d ng nghi p v quản lý dự án u t xây dựng công trình.
4. TT 30/2009/TTLT-BXD-BKH (27/08/2009) về việc quy nh chi tiết m t s i m t i Ngh quy t s 33/2008/NQ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ về thực hiện thí m m t s th t c hành chính trong u t xây dựng i v i d án khu ô th m i, d án khu nhà , d án h t ng k thu t khu công nghi p.

B Y tế

1. TT 13/2009/TT-BYT (01/09/2009) về hướng dẫn thông tin, qu ng cáo thuốc.
2. TT 09/2009/TTLT-BYT-BTC (09/09/2009) về hướng dẫn thực hiện böhim y t .

Ngân hàng Nhà nước

1. CV 7430/NHNN-TTGSNH (24/09/2009) về việc tham gia th tr ng giao dch ch ng khoán công ty i chứng ch a niêm y t (UPCoM).
2. CV 7355/NHNN-TT (22/09/2009) về việc hướng dẫn chuyển số chênh lệch phí thu h c phi t r trong thanh toán t p trung của Ngân hàng Nông nghi p và Phát tri n Nông thôn Việt Nam.
3. TT số 19/2009/TT-NHNN (24/08/2009) về việc hướng dẫn về quản lý ngoại hối i v i các giao dch trái phi u Chính phủ b ng ngo i t phát hành theo Q s 211/Q -TTg ngày 13/02/2009 của Thủ t ng Chính phủ .

Tổng Cục thuế

1. CV số 3580/TCT-TNCN (03/09/2009) về việc thuế thu nhập cá nhân i v i chuyên gia nước ngoài.
2. CV 3598/TCT-TNCN (04/09/2009) về thuế thu nhập cá nhân i v i chuyển nhượng bất ng s n, nh n th a k , quà t ng là bất ng s n.
3. CV 3606/TCT-HTQT (04/09/2009) về Hi p nh tránh ánh thu hai l n gi a Vi t Nam và các vùng lãnh th khác.
4. CV 3652/TCT-TNCN (08/09/2009) về v ng m c thu TNCN.
5. CV 3669/TCT-KK (09/09/2009) về việc hướng dẫn chính sách thuế .
6. CV 3683/TCT-CS (10/09/2009) về việc s d ng tem b u chính cho dch v b u ph m công ích và b u ph m kinh doanh.
7. CV 3684/TCT-CS (10/09/2009) về chính sách thuế i v i v i bán u giá tài s n th ch p m b o t n vay.
8. CV 3686/TCT-CS (10/09/2009) về thuế GTGT i v i dch v cung c p cho DNCX.

9. CV 3694/TCT-TTr (10/09/2009) v/v ng m c chính sách thu .
10. CV 3720/TCT-CS (14/09/2009) v/ chính sách thu .
11. CV 3744/TCT-CS (15/09/2009) v/ vi c x lý vi ph m pháp lu t v thu .
12. CV 3746/TCT-CS (15/09/2009) v/ ch ng t thanh toán qua ngân hàng.
13. CV 3771/TCT-CS (16/09/2009) v/ vi c x lý vi ph m pháp lu t v thu .
14. CV 3793/TCT-PC (17/09/2009) v/ vi c chính sách thu i v i hàng hoá b h h ng, t n th t.
15. CV 3778/TCT-TTr (17/09/2009) v/ vi c t ng c ng công tác thanh tra, ki m tra, x lý vi ph m v th c hi n ngh a v thu .
16. CV 3782/TCT-CS (17/09/2009) v thu GTGT, TNDN
17. CV 3791/TCT-PC (17/09/2009) v/ chính sách thu i v i hàng hóa t n th t.
18. CV 3806/TCT-CS (18/09/2009) thu GTGT
19. CV 3824/TCT-CS (18/09/2009) v/ vi c d ch v xu t kh u.
20. CV 3828/TCT-CS (21/09/2009) v/ vi c chính sách thu i v i nhà th u n c ngoài.
21. CV 3848/TCT-CS (21/09/2009) v/ vi c chính sách thu giá tr gia t ng.
22. CV 3847/TCT-TNCN (21/09/2009) v/ vi c h ng d n th c hi n Lu t thu thu nh p cá nhân.
23. CV 3846/TCT-CS (21/09/2009) v/ vi c gi m thu giá tr gia t ng i v i thùng xe t i b ng kim lo i và b t ph thùng xe t i.
24. CV 3884/TCT-CS (22/09/2009) v/ vi c hoá n t in.
25. CV 3899/TCT-CS (23/09/2009) v/ vi c l p hóa n giá tr gia t ng i v i hàng hóa y thác xu t kh u.
26. CV 3929/TCT-TNCN (24/09/2009) v thu thu nh p cá nhân i v i ho t ng chuy n nh ng b t ng s n.
27. CV 3947/TCT-CS (25/09/2009) v/ vi c l p hoá n và kh u tr thu giá tr gia t ng trong tr ng h p i lý t i Vi t Nam thu h Hăng giao nh n kho v n, chuy n phát n c ngoài.
28. CV 3939/TCT-CS (25/09/2009) v/ vi c thu giá tr gia t ng i v i ho t ng thu, d n, x lý rác và ch t ph th i; thoát n c, x lý n c th i.
29. CV 3948/TCT-CS (25/09/2009) v/ vi c hoá n t in.
30. CV 3970/TCT-KK (28/09/2009) v/ chính sách thu GTGT.
31. CV 3974/TCT-TNCN (21/09/2009) v thu TNCN i v i các cá nhân ký h p ng lao ng ng n h n, th i v n 3 tháng
32. CV 3979/TCT-CS (29/09/2009) v thu GTGT.
33. CV 4008/TCT-KK (30/09/2009) v/ vi c hoàn thu giá tr gia t ng.

T ng C c H i quan

1. CV s 5173/TCHQ-GSQL (28/08/2009) v/ vi c phân lo i hàng hóa nh p kh u.
2. CV s 5175/TCHQ-KTTT (28/08/2009) v/ vi c ki m tra th m v n và xác nh giá tính thu .
3. CV s 5196/TCHQ-GSQL (31/08/2009) v/ vi c h ng d n v ng m c th t c t m nh p tái xu t, chuy n kh u hàng th c ph m ông l nh.
4. CV s 5197/TCHQ-GSQL (31/08/2009) v/ vi c hàng a t kho ngo i quan vào các khu công nghi p.
5. CV s 5220/TCHQ-KTTT (31/08/2009) v/ vi c v ng m c v thu i v i ph li u hàng nh p kh u s n xu t xu t kh u.
6. CV s 5199/TCHQ-GSQL (31/08/2009) v/ vi c hàng nh p kh u g i kho ngo i quan.
7. CV s 5220/TCHQ-KTTT (31/08/2009) v/ vi c v ng m c v thu i v i ph li u hàng nh p kh u s n xu t xu t kh u.
8. CV s 5227/TCHQ-KTTT (01/09/2009) v/ vi c x lý n thu i v i ch doanh nghi p ã b tr n v n c.
9. CV s 5247/TCHQ-GSQL (03/09/2009) v/ vi c c p gi y phép cho ph ng ti n v n t i c a khách n c ngoài vào Vi t Nam du l ch.
10. CV s 5248/TCHQ-GSQL (03/09/2009) v/ vi c s d ng m u n ch Gi y phép phi m u d ch (HQ-102).
11. CV s 5271/TCHQ-GSQL (04/09/2009) c a TCHQ v/ vi c s d ng m u t khai xu t nh p kh u t i ch .
12. CV s 5272/TCHQ-KTTT (04/09/2009) v/ vi c v ng m c v th t c h i quan.
13. CV s 5276/TCHQ-KTTT (04/09/2009) v/ vi c v ng m c th c hi n TT 116/2008/TT-BTC.
14. CV s 5283/TCHQ-KTTT (04/09/2009) c a TCHQ v/ vi c ân h n thu .
15. CV s 5292/TCHQ-GSQL (07/09/2009) v/ vi c xác minh C/O m u B h p l .
16. CV s 5294/TCHQ-GSQL (07/09/2009) v/ vi c ch ng t thu c b h s h i quan.
17. CV s 5295/TCHQ-GSQL (07/09/2009) v/ vi c gi i quy t t khai s n xu t xu t kh u h p ng gia công t n ng ch a thanh kho n.
18. CV s 5296/TCHQ-GSQL (07/09/2009) v/ vi c gi i quy t khi u n i v phân lo i hàng hóa nh p kh u.
19. CV s 5297/TCHQ-GSQL (07/09/2009) v/ vi c gi i quy t khi u n i v phân lo i hàng hóa nh p kh u.
20. CV s 5319/TCHQ-KTTT (08/09/2009) v/ vi c không thu thu xu t kh u.

21. CV s 5478/TCHQ-GSQL ((15/09/2009) v vi c nh p kh u ng i v i khu phi thu quan.
22. CV s 5477/TCHQ-GSQL (15/09/2009) v vi c ph i h p làm vi c gi i quy t v ng m c.
23. CV s 5463/TCHQ-KTTT (14/09/2009) v vi c v ng m c v thu thu XK.
24. CV s 5456/TCHQ-KTTT (14/09/2009) v vi c xem xét giá tính thu hàng nh p kh u.
25. CV s 5453/TCHQ-KTTT (14/09/2009) v vi c mi n thu hàng quà t ng.
26. CV s 5451/TCHQ-GSQL (14/09/2009) v vi c tr l i ki n ngh c a DN.
27. CV s 5440/TCHQ-KTTT (14/09/2009) v vi c xem xét gi i quy t khi u n i.
28. CV s 5427/TCHQ-KTTT (11/09/2009) v vi c x lý n thu .
29. CV s 5425/TCHQ-KTTT (11/09/2009) v thu nh p kh u d án u ãi u t .
30. CV s 5422/TCHQ-GSQL (11/09/2009) v vi c khai báo giá gia công kim c ng trong ph l c h p ng gia công.
31. CV s 5420/TCHQ-KTTT (11/09/2009) v thu nh p kh u d án u ãi u t .
32. CV s 5407/TCHQ-GSQL (10/09/2009) v vi c l y m u nguyên li u gia công.
33. CV s 5406/TCHQ-GSQL (10/09/2009) v vi c chuy n nguyên ph li u trong quá trình th c hi n h p ng gia công.
34. CV s 5401/TCHQ-KTTT (10/09/2009) v vi c v ng m c h s thanh kho n.
35. CV s 5391/TCHQ-KTTT (10/09/2009) v chính sách thu i v i hàng nh p kh u thu c d án u t .
36. CV s 5386/TCHQ-KTTT (10/09/2009) v vi c v ng m c hoàn thu .
37. CV s 5385/TCHQ-KTTT (10/09/2009) v vi c th t l c danh m c mi n thu .
38. CV s 5384/TCHQ-KTTT (10/09/2009) v vi c xác nh n Danh m c mi n thu d án u t .
39. CV s 5382/TCHQ-KTTT (10/09/2009) v vi c v ng m c th c hi n Thông t s 79/2009/TT- BTC.
40. CV s 5381/TCHQ-KTTT (10/09/2009) v vi c v ng m c hoàn thu .
41. CV s 5372/TCHQ-GSQL (09/09/2009) v th t c nh p kh u nguyên li u vào KNO r i bán cho DNCX.
42. CV s 5370/TCHQ-KTTT (09/09/2009) v chính sách thu hàng vi n tr không hoàn l i.
43. CV s 5366/TCHQ-GSQL (09/09/2009) v vi c phân lo i m t hàng ký hi u Shellsol 60/145.
44. CV s 5359/TCHQ-GSQL (09/09/2009) v vi c phân lo i b ly h p xe mô tô.
45. CV s 5346/TCHQ-GSQL (09/09/2009) v vi c nh p kh u s n ph m t gia công n c ngoài v VN khi h p ng gia công ã h t h n.
46. CV s 5338/TCHQ-GSQL (09/09/2009) v quy n XK; NK theo N 90/2007/N -CP.
47. CV s 5329/TCHQ-KTTT (09/09/2009) v vi c gi i quy t khi u n i.
48. CV s 5326/TCHQ-GSQL (08/09/2009) v vi c h ng d n hàng ch a tái xu t kh u h t và chuy n.
49. Q s 1653/Q -TCHQ (21/08/2009) v vi c n nh thu i v i hàng hóa nh p kh u.



Bạn cần thêm thông tin công nghệ có ý kiến đóng góp, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi theo các địa chỉ sau:

Trụ sở chính:

217 Nguyễn Văn Linh, thành phố Hà Nội	Phan Xuân Việt	Trưởng Giám đốc
Tel: (0511)3655886-105 Fax: (0511)3655887	Lê Khắc Minh	Phó Trưởng Giám đốc
Website: http://www.aac.com.vn	Nguyễn Trọng Hải	Phó Trưởng Giám đốc
E-mail: aac@dng.vnn.vn	Trần Thế Năng	Biên tập viên

Bản tin này chỉ có giá trị thông tin và tham khảo. Trong trường hợp áp dụng các thông tin của phần mềm vào nội dung toàn văn của các văn bản pháp luật, ngành nghề có sự hướng dẫn của các chuyên gia tư vấn của AAC.

AAC sẵn sàng cung cấp miễn phí các văn bản nêu trong Bản tin cho các khách hàng thành viên của Công ty. Đối với các khách hàng khác, chúng tôi có thể tính một khoản phí trang trải các chi phí hành chính. Mức phí có thể quy định như sau:

- Nếu mua công suất: 350.000 đồng (12 số);
- Nếu mua không thành viên: 30.000 đồng/số.

Ngoài những thông tin tóm tắt trên Bản tin này, nếu bạn nào muốn cung cấp thêm những thông tin chi tiết thì mức phí tính như sau:

- Cung cấp miễn phí nội dung tóm tắt mua công suất trong trường hợp gửi qua Email, còn trường hợp gửi qua Bộ in hoặc Fax thì mức phí tính 1.500 đồng/trang;
- Nội dung khác cung cấp trực tiếp tại văn phòng Công ty Kế toán & Kiểm toán (AAC), giá 2.000 đồng/trang.

Xin vui lòng thông báo ngay những thay đổi liên quan nhằm tránh liên lạc với chúng tôi có thể gặp những bất tiện.